

Bản án số: 77/2023/HS-PT
Ngày: 27/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Văn Hợp**

Ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S Tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Đinh Khả Đ và đồng phạm về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” và “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HSST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đinh Khả Đ, sinh ngày: 07/7/1958 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Hữu trí (Nguyên Bí thư Huyện ủy huyện S, tỉnh Quảng Ngãi); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: K'Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L (Chết) và bà Đinh Thị Đ (Chết); vợ: Đã ly hôn năm 2021, bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại- Có mặt.

2. Nguyễn Vũ C, sinh ngày 12/12/1983 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường

UBND xã L; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị L; vợ: Nguyễn Thị Thúy V, bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015 ; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2015 đến ngày 30/9/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện nay bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại- Có mặt.

3. Lê Khắc Tâm A, sinh ngày 11/01/1970 tại tỉnh B Trị Thiên (cũ); Nơi cư trú: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường UBND xã S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc Đ (Chết) và bà Võ Thị Ánh M; vợ: Võ Thị H, bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại- Có mặt.

4. Đinh Văn B, sinh ngày 04/7/1982 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Trạm trưởng Trạm quản lý bảo vệ rừng huyện S (Nguyên Phó chủ tịch UBND xã L, huyện S); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: K'dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Tùm và bà Đinh Thị N; vợ: Đinh Thị P, bị cáo có 01 con, sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại- Có mặt.

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Vũ C:* Bà Lê Thị N - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.

- *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Lê Khắc Tâm A:* Ông H Vĩnh P - Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Kà Đ:*

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo: Ông Bùi Phú V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:

1. Ông Huỳnh Ngọc A – Luật sư Văn phòng Luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Tỉnh Quảng Ngãi- Vắng mặt.

2. Ông Đặng Văn C – Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Văn C thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

- *Người bào chữa theo cho bị cáo Đinh Văn B:* Ông Trần Việt N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Công ty Cổ phần Thủy điện Đ; Địa chỉ: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân B – Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Phó Giám đốc - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

1. Bà Hồ Thị L; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị H; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
3. Ông Phan T P, sinh năm 1969; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt..
4. Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1974; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
5. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
6. Ông Ngô Tấn D, sinh năm 1977; trú tại: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
7. Ông Đỗ M Đ; sinh năm 1970; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
8. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969; trú tại: xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
9. Ông Phạm Ngọc M; sinh năm 1977; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
10. Ông Võ Khắc A, sinh năm 1972; trú tại: xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
11. Ông Trương Bá V, sinh năm 1956; Nguyên Giám đốc kho bạc nhà nước huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi- Vắng mặt.
12. Ông Ngô Đình T, sinh năm 1963; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
13. Ông Vũ T K; sinh năm 1962; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
14. Bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1966; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
15. Ông Tân Ngọc T, sinh năm 1971; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
16. Ông Huỳnh T, sinh năm 1972; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.

17. Ông Võ Duy T; sinh năm 1967; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
18. Ông Phan Tấn T; trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
19. Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1964; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
20. Ông Nguyễn Hữu N; sinh năm 1965; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.
21. UBND huyện S- Đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Ngọc T- Phó chủ tịch; có mặt.

(Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là ông Phan Trung H; ông Đinh Văn R và bà Đinh Thị M kháng cáo quá hạn – Ngày 14/3/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã không chấp nhận kháng cáo quá hạn của là ông Phan Trung H; ông Đinh Văn R và bà Đinh Thị M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Về quy trình ban hành các văn bản, thủ tục để thực hiện dự án:

Công ty Cổ phần Thủy điện Đ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300350203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/7/2011 do ông Đinh Ngọc V làm Giám đốc. Vốn điều lệ 930.000.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi tỷ đồng); các cổ đông góp vốn gồm: Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí N; Ngân hàng B; Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng, Tập đoàn S (các cổ đông này đều có phần vốn Nhà nước chiếm trên 50%). Dự án Thủy điện Đ do Công ty Cổ phần Thủy điện Đ làm chủ đầu tư.

Ngày 17/5/2008, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đ ban hành Quyết định số 16/DHC/HĐQT-QĐ phê duyệt đầu tư Dự án Thủy điện Đ với tổng mức đầu tư là 4.911.569.273.000 đồng (Bốn ngàn chín trăm mười một tỷ, năm trăm sáu chín triệu, hai trăm bảy ba ngàn đồng), trong đó chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng với số tiền 710.979.680.000 đồng (Bảy trăm mười tỷ, chín trăm bảy chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngày 02/7/2008, UBND huyện S ban hành Quyết định số 644/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Thủy điện Đ huyện S do ông Tô C, Phó chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch hội đồng; các Phó chủ tịch gồm: Phạm Thị Ngọc V, Lê Quang Đ, Trần M T và 15 ủy viên.

Ngày 30/7/2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đ (bên A) ký Hợp đồng số 01/HĐKT-BTGPMB với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thủy điện Đ, huyện S (bên B). Theo đó, bên B có trách nhiệm thực hiện công tác tư vấn, lập

phương án bồi thường, hỗ trợ, phối hợp với bên A chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn huyện S.

Ngày 16/9/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1537/QĐ-UBND ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện S tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng Dự án Thủy điện Đ, địa bàn huyện S.

Ngày 05/10/2010, UBND tỉnh có Công văn số 2905/UBND-CNXD giao UBND huyện S làm chủ đầu tư dự án bồi thường, di dân, tái định cư thuộc Dự án thủy điện Đ.

Ngày 11/01/2011, UBND huyện S ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn huyện (Hội đồng thẩm định), do ông H Văn T là Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện làm Chủ tịch Hội đồng; Hội đồng này có trách nhiệm thẩm định các phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Thủy điện Đ trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

Ngày 08/8/2011, UBND huyện S ban hành Quyết định số 599/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ dự án Thủy điện Đ (viết tắt HĐBT) do ông Tô C - Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các ông H Văn T - Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện, Nguyễn A D - Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện và V Quý T - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đ làm Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường, các ủy viên gồm: Nguyễn Văn D - Trưởng phòng Đền bù Công ty Cổ phần Thủy điện Đ; Võ T, Phạm Thị Ngọc V, Đinh B, Nguyễn Văn N, Đinh Nguyệt N và Chủ tịch UBND các xã L, L, S; mời đại diện các hộ gia đình có đất bị thu hồi làm ủy viên.

Ngày 17/4/2012, Tô C ký Quyết định số 17/HĐBT-TĐC thành lập Tổ giúp việc HĐBT (Tổ giúp việc) do H Văn T làm Tổ trưởng phụ trách 2 xã L, L; Nguyễn A D - Tổ phó phụ trách xã S; Nguyễn Văn D - Tổ phó và các tổ viên gồm: Lương M H, Trần Vạn Q, Nguyễn Văn S, Đỗ Oanh V, Vũ Văn T (đều là nhân viên Phòng đền bù thủy điện Đ). Tổ giúp việc có nhiệm vụ phối hợp với UBND các xã L, S, L kiểm kê diện tích các thửa đất, nguồn gốc sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc trên các thửa đất sẽ bị thu hồi; lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) khu vực lòng hồ Dự án thủy điện Đ.

Ngày 04/5/2012, tại Phòng họp số 1 UBND huyện S, Chủ tịch HĐBT (Tô C) tổ chức và chủ trì cuộc họp HĐBT, có các Phó Chủ tịch và ủy viên tham gia gồm: H Văn T, Nguyễn A D, Nguyễn Văn D, Lương M H, Trần Vạn Q, Nguyễn Văn S, Đỗ Oanh V, Vũ Văn T, Đặng Quang T. Tại cuộc họp này, Tô C đã triển khai chủ trương của HĐBT là không chấp nhận các trường hợp mua bán đất không đúng quy định của pháp luật về đất đai, không được đưa tên người mua đất (chủ đất mới) vào trong

phương án đền bù, hỗ trợ, mà đưa tên người đã bán đất (chủ cũ) vào phương án đền bù (gọi là chủ trương “quy chủ cũ”, theo lời khai của Tô C, H Văn T).

Tại cuộc họp Ban chỉ đạo sáng ngày 18/01/2013, sau khi nghe ông Tô C, Chủ tịch Hội đồng bồi thường đại diện Hội đồng bồi thường báo cáo tiến độ, khó khăn vướng mắc như đất trong khu vực lòng hồ chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), đã được người dân địa phương (người đồng bào) bán, chuyển nhượng cho người kinh, tư thương, cán bộ viên chức nhà nước không đúng quy định pháp luật (mua bán bằng giấy viết tay, thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng công chứng, không làm thủ tục sang tên đổi chủ); giữa họ có sự tranh chấp với nhau về bồi thường, hỗ trợ. Đình Khả Đ - Bí thư huyện ủy S kết luận chỉ đạo *“Đối với đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bồi thường, hỗ trợ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với đất chưa có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) đã được người dân địa phương (người đồng bào) bán, chuyển nhượng cho người khác không đúng quy định pháp luật thì xem xét bồi thường, hỗ trợ cho chủ gốc có đất để họ được hưởng lợi 2,5 lần để không bị thiệt thòi, vì họ không còn gì để canh tác, sinh sống”*. Đ cụ thể hóa nội dung chỉ đạo này, ngày 31/01/2013 ông Đình Khả Đ ký Thông báo số 03/TB-BCĐ thể hiện đúng tinh thần chỉ đạo nêu trên của ông Đ. Ngoài ra, Công văn số 292-CV/HU ngày 18/7/2016 do ông Đ ký ban hành với nội dung *“Một lần nữa Ban Thường vụ Huyện ủy S khẳng định việc chỉ đạo 02 Thông báo trên (Thông báo số 27/TB-UBND ngày 16/4/2012 và Thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 31/01/2013) là nhằm mục đích để nhân dân bản địa vùng lòng hồ Thủy điện Đ được hưởng lợi số tiền Nhà nước ưu đãi hỗ trợ 2,5 lần để chuyển đổi nghề nghiệp. Vì thực tế mua bán không theo một hành lang pháp luật nào cả. Vì vậy, 02 Thông báo trên là chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng”*.

Sau đó, Nguyễn Văn D tổ chức họp Phòng đền bù của Công ty cổ phần thủy điện Đ để triển khai, phân công cán bộ thuộc Phòng phối hợp với Tổ công tác ở các xã để triển khai thực hiện chủ trương “quy chủ cũ” của Chủ tịch HĐBT. Theo đó các ông Lương M H, Trần Vạn Q, Nguyễn Văn S chịu trách nhiệm xác minh nguồn gốc đất xã S; Đỗ Oanh V, Vũ Văn T chịu trách nhiệm xác minh nguồn gốc đất ở xã L, sau đó Vũ Văn T tham gia cùng Lê Xuân Phúc xác minh nguồn gốc đất ở xã L; Nguyễn Hữu Lưỡng được phân công chịu trách nhiệm tổng hợp, lập phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư xã L, S và Vũ Văn T được phân công chịu trách nhiệm tổng hợp, lập phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư xã L.

H Văn T phân công Đặng Quang T - Cán bộ Phòng TNMT; Nguyễn A D phân công Tô Văn V - Cán bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện có trách nhiệm tham gia phối hợp với tổ giúp việc HĐBT xác minh nguồn gốc đất xã L và S.

Bùi Tấn Nguyên là chuyên viên của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện S được Lãnh đạo Phòng phân công trực tiếp thực hiện công tác quản lý đất đai thuộc địa bàn huyện S. Trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án

thủy điện Đ, Nguyên là Tổ trưởng tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định được H Văn T (*Chủ tịch Hội đồng thẩm định*) phân công thẩm định về diện tích, loại đất, vị trí đất và thẩm định đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (văn bản phân công nhiệm vụ số 02/HĐTĐ ngày 23/02/2011).

*Về sai phạm trong quá trình thực hiện công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*Phương án 2*) tại các xã L, S, L:

Trong quá trình tổ chức chỉ đạo và triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thủy điện Đ khu vực lòng hồ tại các xã L, L, S huyện S, mặc dù biết rõ về điều kiện của cá nhân, hộ gia đình thuộc diện được bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi bị thu hồi được quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, được cụ thể hóa tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, được thay thế bằng Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì việc bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi thu hồi đất cho cá nhân, hộ gia đình khi họ có hộ khẩu thường trú tại địa phương và đang trực tiếp canh tác, sản xuất trên đất bị thu hồi nhưng trong quá trình chỉ đạo việc lập phương án bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, Tô C, H Văn T biết trong khu vực Lòng hồ Thủy điện Đ có nhiều trường hợp mua bán đất không đúng quy định của pháp luật như: mua bán đất không có giấy tờ hợp pháp; các bên mua bán bằng giấy viết tay hoặc thỏa thuận miệng nên nếu đưa tên người nhận chuyển nhượng đất vào phương án bồi thường thì sẽ không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. H Văn T đề xuất ý kiến khi lập phương án thì đưa tên người đã chuyển nhượng đất vào diện được bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi bị thu hồi (*quy về chủ cũ*) tại cuộc họp Hội đồng bồi thường có Bí thư Huyện ủy và Chủ tịch UBND huyện S dự họp. Chủ tịch Hội đồng bồi thường - ông Tô C chỉ đạo thực hiện chủ trương này. Các Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thủy điện Đ là H Văn T, Nguyễn A D trực tiếp triển khai tại các xã L, L, S. H Văn T, Nguyễn A D (*Phó chủ tịch HĐBT*), Nguyễn Vỹ C, Lê Khắc Tâm A, Trần M V (*cán bộ địa chính các xã L, S, L*) biết rõ chủ trương quy về chủ cũ là xác định không đúng cá nhân, hộ gia đình đủ điều kiện được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp nhưng vẫn thực hiện theo chỉ đạo của Tô C dẫn đến hậu quả làm thiệt hại tài sản của Nhà nước với số tiền 26.045.567.200 đồng. Cụ thể như sau:

* *Tại xã L:*

Ngày 07/5/2012, tại UBND xã, H Văn T cùng Nguyễn Văn D tổ chức họp Tổ giúp việc Hội đồng bồi thường và Tổ công tác của xã để triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (*Phương án 2*) hạng mục lòng hồ xã L. Tại cuộc họp này,

H Văn T đã triển khai thực hiện chủ trương “quy về chủ cũ”, yêu cầu xác lập hồ sơ đưa tên những người đã bán đất vào phương án để họ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với các thửa đất đã bán cho người khác.

Theo tinh thần chỉ đạo của H Văn T, các thành viên Tổ giúp việc được phân công gồm: Vũ Văn T, Đỗ Oanh V, Đặng Quang T phối hợp với Tổ công tác của UBND xã L (chủ yếu do Nguyễn Vỹ C, Đinh Văn Thắng, Đinh Văn Huyết tham gia thường xuyên) tiến hành kiểm kê, xác định chủ sử dụng đất. Đối với các thửa đất phát sinh chuyển nhượng đều được ghi nhận chủ cũ (người bán đất) là người đang sử dụng đất, ghi nhận nguồn gốc đất là do khai hoang trước ngày 15/10/1993 hoặc nhận thừa kế và được sử dụng ổn định không có tranh chấp; đồng thời xác lập các biểu mẫu theo quy định như: Bản tự kê khai đất và tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất (Biểu số 01 do người đang sử dụng đất tự kê khai nhưng vì họ không biết chữ nên tổ giúp việc ghi hộ); Bảng kết quả xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân (Biểu số 02); Giấy xác nhận quyền sử dụng đất (Biểu số 03); Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất (Biểu số 04). Nội dung ghi trên đối với những người chủ cũ là không đúng thực tế vì sau khi chuyển nhượng đất, họ không còn sử dụng đất, không còn trực tiếp sản xuất, canh tác trên thửa đất đã bán nên họ không thuộc diện được hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp (thể hiện ở PA1 người nhận chuyển nhượng đất được bồi thường cây cối hoa màu). Theo trình tự, thủ tục lần lượt Biểu số 01 và Biểu số 04 được Tổ giúp việc đưa cho người dân (chủ cũ) ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận; già làng, trưởng thôn ký xác nhận Biểu số 02, 04; thành viên Tổ giúp việc ký xác nhận Biểu số 04; Nguyễn Vỹ C, cán bộ địa chính xã người chịu trách nhiệm chính Tổ công tác của xã ký xác nhận các Biểu số 02, 03, 04 và trực tiếp tham mưu ông Trần Đông P, Chủ tịch UBND xã ký xác nhận Biểu số 02, tham mưu ông Đinh Văn B, Phó Chủ tịch UBND xã ký xác nhận vào Biểu số 03, 04; P và B không kiểm tra hồ sơ mà tin tưởng vào sự tham mưu của Nguyễn Vỹ C nên ký tên vào các biểu mẫu. Sau đó, hồ sơ được chuyển cho H Văn T đại diện Hội đồng bồi thường ký xác nhận Biểu số 02; Nguyễn A D đại diện Hội đồng bồi thường ký xác nhận Biểu số 04.

Trên cơ sở các Biểu mẫu 01, 02, 03, 04 đã được xác lập Hội đồng bồi thường lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Hạng mục Lòng hồ xã L và tiến hành niêm yết công khai tại UBND xã L. Hết thời gian niêm yết công khai, Nguyễn Văn D kiểm tra và ký phương án hoàn chỉnh. Ngày 10/6/2013 Nguyễn A D thay mặt Hội đồng bồi thường ký Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 01/PABT-GPMB và ký tờ trình số 30/TTr-HĐBT-TĐC “về việc xin thẩm định phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư” đề nghị Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định. Ngày 11/6/2013, H Văn T ký báo cáo kết quả thẩm định và đề nghị UBND huyện phê duyệt Phương án bồi thường do Hội đồng bồi thường lập. Ngày 12/6/2013, Tô C với chức danh Phó Chủ tịch UBND huyện ký Quyết định số 1091/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường, theo đó vào ngày 18/6/2013

HĐBT tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 76 hộ xã L với số tiền 45.192.767.352 đồng (Bốn mươi lăm tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, ba trăm năm mươi hai đồng); trong đó bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm là 35.773.684.400 đồng (bồi thường về đất là 10.797.550.700 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm là 24.976.133.700 đồng).

Quá trình điều tra xác định: 22 người làm nghề buôn bán; làm cán bộ, không sinh sống và không có hộ khẩu thường trú tại xã L, không đủ điều kiện được Nhà nước giao đất nông nghiệp tại xã L, không thuộc diện được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; 22 người này đã mua 113 thửa đất của người khác, sau khi mua đất họ để nguyên hiện trạng, không canh tác, sản xuất trên đất đã mua; người bán đất cũng không còn canh tác trên đất. Tuy nhiên, Hội đồng bồi thường đã xác lập hồ sơ được UBND xã L xác nhận cho 39 người (34 chủ cũ, 05 không liên quan đến đất đứng tên hộ) đứng tên trong hồ sơ đối với 113 thửa đất này. Mặc dù 39 người này không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp nhưng vẫn được Hội đồng bồi thường đưa vào Phương án bồi thường, hỗ trợ để chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp sai quy định gây thiệt hại số tiền 7.620.073.050 đồng; sau khi nhận tiền chủ cũ (người đã bán đất) chỉ chia cho người mua 1.357.827.150 đồng, chủ cũ hưởng lợi 6.262.245.900 đồng.

** Thiệt hại trong việc chi tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức với số tiền 2.043.965.050 đồng, cụ thể:*

- Ông Đặng Thêm, ở xã L, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

+ Thực tế Đặng Thêm có các loại đất: Do tự khai hoang: 91.272,8m², gồm đất nông nghiệp 602,1m², đất lâm nghiệp 90.670,7m²; do mua lại của người khác 93.850,1m², trong đó đất nông nghiệp 25.538,1m², đất lâm nghiệp 68.312,5m². Tổng cộng ông Thêm có: Đất nông nghiệp 26.140,2m²; đất lâm nghiệp 118.312,5m² và được HĐBT đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích này, ông Thêm trực tiếp nhận và những người chủ đất cũ đứng tên nhận với tổng số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là 2.120.223.550 đồng. Nhưng theo quy định đất nông nghiệp chỉ được hỗ trợ tối đa là 20.000m² và đất lâm nghiệp chỉ được hỗ trợ tối đa là 50.000m². Như vậy HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ vượt hạn mức đối với các loại đất của ông Thêm là: đất nông nghiệp vượt 6.140,2m² = 206.191.000đ; đất lâm nghiệp vượt 68.312,5m² = 1.199.927.050 đồng; tổng cộng HĐBT đã chi vượt hạn mức là 1.406.118.050 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu một trăm mười tám nghìn không trăm năm mươi đồng);

- Bà Đặng Thị Bích Thúy, ở xã L, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi:

+ Thực tế bà Thúy có 72.863,5m², (do mua lại của người khác trước đó), trong đó đất nông nghiệp 38.224,2m², đất lâm nghiệp 34.638,8m² và được HĐBT đưa vào phương án chi trả hỗ trợ toàn bộ diện tích này cho những người chủ đất cũ đứng tên

nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp với tổng số tiền là 2.180.204.800 đồng. Theo hạn mức quy định như trên thì HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ vượt hạn mức đối với đất của bà Thúy là: đất nông nghiệp vượt $18.334,2m^2 = 637.847.000đ$; (Sáu trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng);

Tổng cộng số tiền thiệt hại tại xã L là: 7.620.073.050 đồng + 2.043.965.050 đồng = 9.664.038.100 đồng (Chín tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu không trăm ba mươi tám ngàn một trăm đồng).

** Tại xã S:*

Ngày 07/5/2012, tại UBND xã S, ông Nguyễn A D, Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường, Tổ phó Tổ giúp việc phụ trách xã S tổ chức họp với thành phần tham gia họp gồm: Tô Văn V, chuyên viên Phòng NN&PTNT huyện; Đinh Thị Hoa, Phó Chủ tịch UBND xã S; Lê Khắc Tâm A, cán bộ địa chính xã S; Trần Vạn Q, Nguyễn Văn S, Lương M H (tổ giúp việc) và một số thành viên khác trong tổ công tác của xã S. Tại cuộc họp này Nguyễn A D đã triển khai thực hiện chủ trương “quy về chủ cũ” xác lập hồ sơ đưa tên những người đã bán đất vào phương án để họ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với các thửa đất đã bán cho người khác.

Theo tinh thần chỉ đạo của Nguyễn A D, các thành viên Tổ giúp việc Hội đồng bồi thường được phân công gồm: Lương M H, Trần Vạn Q, Nguyễn Văn S, Tô Văn V cùng với Lê Khắc Tâm A, Đinh Văn Mai, Đinh Văn Trua, Đinh Văn Dong (Tổ công tác của xã) tiến hành đi thực địa kiểm tra xác minh chủ sử dụng của các thửa đất bị thu hồi. Căn cứ Bảng thống kê diện tích đất, loại đất, chủ sử dụng đất do Công ty TNHH kỹ thuật đo đạc địa chính Quảng Ngãi lập, Tổ giúp việc tiến hành ghi nhận thông tin về chủ sử dụng đất (do tổ công tác của UBND xã cung cấp) vào bảng thống kê rồi giao lại cho Lê Khắc Tâm A kiểm tra chỉnh sửa. Lúc này có một số người mua đất (chủ mới) sợ những người chủ cũ đứng tên nhận tiền không đưa lại cho họ nên họ nhờ một số người khác (những người không liên quan gì đến đất) đứng tên hộ để được nhận tiền hỗ trợ và giao lại cho họ; những chủ đất mới (người mua đất) trực tiếp gặp hoặc qua điện thoại nhờ Lê Khắc Tâm A lập lại hồ sơ ghi tên của những người đứng tên hộ và Tâm A đã tự ý thực hiện thay tên chủ cũ bằng tên người đứng hộ trong danh sách rồi giao lại cho Tổ giúp việc. Tại nhà Lê Khắc Tâm A, Tổ giúp việc (H, Q, S) cùng với Tâm A viết các biểu mẫu 02, 03, 04, riêng đối với Biểu số 01 (Bảng tự kê khai đất và tài sản trên đất bị thu hồi) lẽ ra người dân phải tự viết nhưng do phần nhiều người dân không biết chữ nên các thành viên tổ giúp việc viết giúp. Sau khi viết xong các biểu mẫu thì các thành viên Tổ giúp việc mang đến nhà ông Đinh Văn Mai (Bí thư chi bộ thôn Đăk Lang) yêu cầu ông Mai thông báo cho người dân có tên trong hồ sơ đến để nghe đọc nội dung các biểu mẫu và ký tên vào Biểu số 01, 04; ông Mai ký tên ở phần đại diện hộ có đất bị thu hồi trong Biểu số 04; già làng, trưởng bản (Đinh Văn Đèo, Đinh Văn Dang), trưởng thôn ký xác nhận Biểu số 02; các thành viên tổ giúp việc ký vào Biểu số 04; Lê Khắc Tâm A ký tên vào Biểu

số 02, 03, 04, sau đó cùng với Nguyễn Văn S và Trần Văn Q đem hồ sơ trình bà Đinh Thị Hoa, Phó chủ tịch UBND xã ký tên ở phần đại diện UBND xã ở Biểu số 04; Trương Quang T, Phó chủ tịch UBND xã (được UBND xã phân công làm Tổ trưởng tổ bồi thường xã S theo QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 9/11/2012) ký ở Biểu số 02, 03. Vì có sự điều chỉnh về loại đất, vị trí đất nên biểu mẫu số 02, 03 được chỉnh sửa (chỉ điều chỉnh loại đất, không điều chỉnh chủ sử dụng đất) và trình lãnh đạo UBND xã ký xác nhận lại theo sự điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ngãi. Đến tháng 12/2012 thì các Biểu mẫu 01, 02, 03, 04 được lập xong hoàn chỉnh ở xã, hồ sơ được chuyển cho H Văn T ký tên ở phần đại diện Hội đồng bồi thường ở Biểu số 02, 04.

Trên cơ sở các Biểu mẫu 01, 02, 03, 04 đã được xác lập; Hội đồng bồi thường lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Hạng mục Lòng hồ xã S và tiến hành niêm yết công khai tại UBND xã S. Ngày 12/5/2014 Trương Quang T, Phó chủ tịch UBND xã S ký danh sách 235 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp thuộc phạm vi thu hồi đất tại khu vực lòng hồ gửi Hội đồng bồi thường; trong đó có 51 người (12 chủ cũ và 39 người đứng tên hộ) không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vì họ không phải là người đang sử dụng đất, không phải là người đang trực tiếp sản xuất trên đất bị thu hồi. Cũng trong ngày 12/5/2014, ông V Quý T, Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường (theo Giấy giao nhiệm vụ của ông Tô C lập ngày 12/5/2014) ký Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 01/PABT-GPMB; và ký Tờ trình số 27/TTr-HĐBT ngày 13/5/2014 “về việc xin thẩm định phương án bồi thường GPMB” Dự án Thủy điện Đ hạng mục lòng hồ địa bàn xã S đề nghị Hội đồng thẩm định huyện S thẩm định phương án. Ngày 19/5/2014, H Văn T ký báo cáo kết quả thẩm định và đề nghị UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường do Hội đồng bồi thường lập. Trong ngày 19/5/2014, Tô C ký tờ trình số 30/TTr-HĐBT về việc đề nghị UBND huyện S phê duyệt phương án. Ngày 28/5/2014, ông Lê Văn Tùng, Chủ tịch UBND huyện ký Quyết định số 538/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án. Theo phương án được phê duyệt thì Hạng mục lòng hồ xã S có 267 hộ được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với số tiền 80.183.560.008 đồng.

Kết quả điều tra có căn cứ xác định: 37 người mua đất làm nghề buôn bán; làm cán bộ công chức..., họ không đủ điều kiện được nhà nước giao đất nông nghiệp tại xã S, không thuộc diện đối tượng được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Sau khi mua 163 thửa đất của 69 người khác thì hầu hết họ đều không canh tác trên các thửa đất đã mua, người bán đất cũng không còn canh tác trên đất đã bán. Tuy nhiên, Hội đồng bồi thường đã xác lập hồ sơ được UBND xã S xác nhận cho 50 người (11 chủ cũ, 39 không liên quan đến đất đứng tên hộ) đứng tên trong hồ sơ đối với 163 thửa đất này. Mặc dù 50 người này không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp nhưng vẫn được Hội đồng bồi thường vào phương án bồi thường, hỗ trợ để chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp sai quy định gây thiệt hại số tiền 11.118.443.450 đồng

(Mười một tỷ một trăm mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi đồng), trong đó người bán đất nhận 2.017.289.225 đồng, người mua đất nhận 9.101.154.225 đồng (bút lục 10710 - 10714).

** Thiệt hại trong việc chi tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức tại xã S số tiền 627.225.350 đồng.*

- Ông Huỳnh T, ở xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

+ Thực tế Huỳnh T có các loại đất: Do khai hoang: 52.423,2m², trong đó đất nông nghiệp 869,1m²; đất lâm nghiệp 51.554,1m². Do mua lại của người khác 25.382,5m²; trong đó đất nông nghiệp 11.698,9m²; đất lâm nghiệp 23.119,9m²; tổng cộng ông T có: Đất nông nghiệp 12.568m²; đất lâm nghiệp 74.674m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường hỗ trợ cho 06 người (01 người chủ cũ, 05 người đứng tên hộ). Nhưng HĐBT đã chi trả vượt mức đối với đất T khai hoang và đất T nhận chuyển nhượng là: Đất lâm nghiệp vượt 24.674m² (74.674m² – 50.000m²) = 604.513.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu năm trăm mười ba nghìn đồng);

- Ông Nguyễn Ngọc T, ở xã S, huyện S, Quảng Ngãi

+ Thực tế Nguyễn Ngọc T có các loại đất: Do khai hoang: 32.949,3m², (trong đó đất nông nghiệp 4.856,9m², đất lâm nghiệp 28.092,4m²); do mua lại của người khác 50.095,2m² (trong đó đất nông nghiệp 15.354,4m², đất lâm nghiệp 22.574,9m²); tổng cộng ông T có: Đất nông nghiệp 20.211,3m²; đất lâm nghiệp 50.668,3m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường chi trả hỗ trợ cho 06 người (01 người chủ cũ, 05 người đứng tên hộ). Nhưng HĐBT đã chi trả vượt mức đối với đất của ông Ngọc T là: đất nông nghiệp 211,3m (20.211,3m² – 20.000m²) x 37.500đ = 6.339.000đ; đất lâm nghiệp 668,3m² (50.668,3 m² - 50.000m²) x 24.500đ = 16.373.350đ; tổng cộng đã chi hỗ trợ vượt mức quy định là: 22.712.350 đồng;

Tổng cộng số tiền thiệt hại tại xã S là: 11.118.443.450 đồng + 604.513.000 đồng + 22.712.350 đồng = 11.745.668.800 đồng (Mười một tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm đồng).

** Tại xã L:*

Ngày 20/6/2012, H Văn T tổ chức họp tại UBND xã L, với thành phần gồm: H Văn T, Đỗ Oanh V (Tổ giúp việc Hội đồng bồi thường); Đặng Quang T, chuyên viên Phòng TN&MT huyện; Đinh Văn Treo, Phó chủ tịch UBND xã L; Trần M V, cán bộ địa chính; Đỗ T Vượt, Phó bí thư Đảng ủy xã, Đinh Văn Trông, Chủ tịch Mặt trận tổ quốc, Đinh Văn Điều và một số thành viên khác trong tổ công tác của xã L. Tại cuộc họp H Văn T đã triển khai và chỉ đạo thực hiện chủ trương “quy về chủ cũ” xác lập hồ sơ đưa tên những người đã bán đất vào phương án để họ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với các thửa đất đã bán cho người khác.

Tối ngày 20/6/2012, cũng với thành phần nói trên tiếp tục tổ chức họp tại nhà ông Đinh Văn Điều, Trưởng thôn Ra Manh có sự tham gia của những hộ dân bị ảnh

hưởng của dự án Thủy điện Đ. Đình Văn Treo, Phó chủ tịch UBND xã và Trần M V, cán bộ địa chính xã trực tiếp triển khai thông báo chủ trương quy về chủ cũ của Hội đồng bồi thường để lập phương án bồi thường, hỗ trợ tại xã L.

Sau đó Đỗ Oanh V, Đặng Quang T cùng với Tổ đền bù của xã (Trần M V, Đình Văn N, Đình Thị Vun, Đình Văn Điều, Đình Văn Trông) tiến hành kiểm kê, xác minh. Căn cứ bảng thống kê diện tích đất, loại đất, chủ sử dụng đất do Công ty TNHH kỹ thuật đo đạc địa chính Quảng Ngãi lập, Đỗ Oanh V, Đặng Quang T tiến hành ghi nhận thông tin về chủ sử dụng đất (do tổ công tác của UBND xã cung cấp) vào bảng thống kê rồi giao lại cho Trần M V, cán bộ địa chính kiểm tra. Sau đó Đỗ Oanh V, Đặng Quang T viết các biểu mẫu 02, 03, 04, riêng đối với Biểu số 01 (Bảng tự kê khai) lẽ ra người dân phải tự viết nhưng do phần nhiều người dân không biết chữ nên các thành viên Tổ giúp việc viết giúp. Viết xong lần lượt đưa cho người dân ký hoặc lần tay điểm chỉ Biểu số 01 và Biểu số 04); các thành phần có tên trong Biểu số 02, 04 (già làng, trưởng thôn, thành viên tổ giúp việc) ký tên rồi đưa cho Trần M V, cán bộ địa chính xã ký xác nhận Biểu số 02, 03, 04 và tham mưu ông Đình Văn Treo, Phó chủ tịch UBND xã L ký xác nhận. Hồ sơ được chuyển cho Nguyễn A D ký xác nhận Biểu số 04, H Văn T ký xác nhận Biểu số 02.

Các biểu mẫu 01, 02, 03, 04 đã được lập ghi tên chủ cũ và làm cơ sở để Hội đồng bồi thường lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Phương án 2) đối với hạng mục lòng hồ xã L.

Ngày 21/10/2013 Đình Văn Treo, Phó chủ tịch UBND xã L ký Công văn số 22/UBND về việc lập danh sách 145 hộ gia đình trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp trong khu vực lòng hồ thủy điện Đ, trong đó có 22 người được quy chủ cũ và họ đều là những người không còn trực tiếp sản xuất, canh tác trên các thửa đất đã bán nên không thuộc diện được hỗ trợ.

Ngày 06/11/2013 ông V Quý T ký phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 02/2013/PABT-GPMB và ký tờ trình “về việc xin thẩm định phương án bồi thường GPMB” Dự án Thủy điện Đ hạng mục lòng hồ địa bàn xã L đề nghị Hội đồng thẩm định của UBND huyện S thẩm định phương án. Ngày 11/11/2013, H Văn T ký báo cáo kết quả thẩm định số 33/BC-TĐPA và đề nghị UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường do Hội đồng bồi thường lập. Ngày 12/11/2013, Tô C ký Quyết định số 3045/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án. Theo đó HĐBT đã chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 165 hộ với số tiền 69.237.684.768 đồng.

Qua điều tra, xác định tại xã L có 06 người đã mua 23 thửa đất của 18 người bán trước đó; những người mua đất đều là hộ làm nghề buôn bán, giáo viên, lái xe, sửa xe máy...không thuộc diện được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Sau khi mua đất họ để nguyên hiện trạng, chỉ khai thác hoa lợi sẵn có trên đất cho đến khi bồi thường; người bán đất thì sau khi bán đất họ cũng không còn sản xuất nông nghiệp trên các thửa đất đã bán. Tuy nhiên, Hội đồng bồi thường đã xác lập hồ sơ được UBND xã L

xác nhận cho 18 người (đều là chủ cũ) đứng tên trong hồ sơ đối với 23 thửa đất này. Mặc dù 18 người này không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp nhưng vẫn được Hội đồng bồi thường đưa vào Phương án bồi thường, hỗ trợ để chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp sai quy định gây thiệt hại số tiền 3.244.195.050 đồng; trong đó chủ cũ nhận 2.141.217.850 đồng, người mua nhận 1.102.977.200 đồng.

** Thiệt hại trong việc chi tiền chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức tại xã L với số tiền 1.391.665.250 đồng, cụ thể:*

- Ông Nguyễn Văn Đ, ở xã L, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

+ Thực tế ông Đ có các loại đất: Do khai hoang: 27.536,8m² (trong đó đất nông nghiệp 20.000m², đất lâm nghiệp 7.952,1m²); do mua lại của người khác 34.612,4m² (trong đó đất nông nghiệp 15.352m², đất lâm nghiệp 19.260,4m²); tổng cộng ông Đ có: Đất nông nghiệp 35.352m²; đất lâm nghiệp 27.212,5m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường hỗ trợ cho 05 người (ông Đ, 02 người chủ cũ, 02 người đứng tên hộ), nhưng HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức đối với đất của ông Đ là: Đất nông nghiệp vượt 15.352m² (35.352 – 20.000) = 662.692.250đ (Sáu trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng);

- Ông Nguyễn Hữu N, ở xã L, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

+ Thực tế ông N có các loại đất: Do khai hoang: 24.667,4m², (trong đó đất nông nghiệp 20.000m²; đất lâm nghiệp 4.667,4m²); do mua lại của người khác 27.231,6m² (trong đó đất nông nghiệp 24.299,1m²; đất lâm nghiệp 2.932,5m²); tổng cộng ông N có: Đất nông nghiệp 44.299,1 m²; đất lâm nghiệp 7.599,9m²; số đất này được HĐBT xác lập bồi thường hỗ trợ cho ông N thông qua 03 người (ông N, 02 người chủ cũ). HĐBT đã chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp vượt hạn mức đối với đất của ông N là: Đất nông nghiệp vượt 24.299,1m² (44.299,1 – 20.000) x 30.000đ = 728.973.000đ (Bảy trăm hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng);

Tổng cộng số tiền thiệt hại tại xã L là: 3.244.195.050 đồng + 662.692.250 đồng + 728.973.000 đồng = 4.635.860.300 đồng (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ngàn ba trăm đồng).

Như vậy, tổng cộng thiệt hại do chi trả sai tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp hạng mục lòng hồ dự án Thủy điện Đ tại 03 xã L, L, S là: 9.664.038.100đ + 11.745.668.800đ + 4.635.860.300đ = 26.045.567.200 đồng (Hai mươi sáu tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HSST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

[I]. Tuyên bố các bị cáo: Đinh Khả Đ, Nguyễn Vỹ C, Lê Khắc Tâm A phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

1. Áp dụng: khoản 3 Điều 165; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Khả Đ: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Áp dụng: khoản 3 Điều 165; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Khắc Tâm A: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Áp dụng: khoản 3 Điều 165; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ C: 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

[II]. Tuyên bố các bị cáo: Đinh Văn B phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn B: 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

[III]. Về trách nhiệm dân sự: Tuyên buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền cụ thể như sau:

1/ Bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 49.535.500 đồng.

2/ Bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 28.712.200 đồng.

3/ Ông Phan T P phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 86.307.500 đồng.

4/ Ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 219.403.600 đồng.

5/ Ông Nguyễn Ngọc S phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 1.093.114.250 đồng.

6/ Ông Ngô Tấn D phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 627.257.950 đồng.

7/ Ông Đỗ M Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 459.013.600 đồng.

8/ Bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 206.512.000 đồng.

9/ Ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 1.786.028.225 đồng.

10/ Ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 708.907.150 đồng.

11/ Ông Trương Bá V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 195.375.250 đồng.

12/ Ông Ngô Đình T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 79.999.850 đồng

13/ Ông Vũ T K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 403.181.825 đồng.

14/ Bà Đỗ Thị Bích L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 351.918.000 đồng.

15/ Ông Tân Ngọc T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 167.923.000 đồng.

16/ Ông Huỳnh T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 868.180.325 đồng.

17/ Ông Võ Duy T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 505.214.500 đồng.

18/ Ông Phan Tấn T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 691.460.100 đồng.

19/ Ông Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 354.141.550 đồng.

20/ Ông Nguyễn Hữu N phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 519.216.354 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo H Văn T, Trần M V, Nguyễn Văn D, V Quý T, Trần Đông P, Bùi Tấn Nguyên, Trương Quang T và Đinh Văn Treo; về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 15 và 18 tháng 01 năm 2023; các bị cáo: Đinh Khả Đ, Nguyễn Vũ C, Lê Khắc Tâm A kháng cáo cho rằng không phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”.

- Ngày 16 tháng 01 năm 2023; bị cáo Đinh Văn B kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo hình phạt tù là nặng so với các bị cáo khác trong vụ án và đề nghị được áp dụng hình thức miễn hình phạt.

- Ngày 19 tháng 01 năm 2023; Công ty Cổ phần Thủy điện Đ kháng cáo yêu cầu xác định Công ty Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; xác định bị hại là UBND huyện S và buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ sai quy định trả lại cho UBND huyện S để UBND huyện S hoàn ứng cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ.

- Trong các ngày 11, 12, 13 và 14 tháng 01 năm 2023; các ông, bà Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Phan T P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc S, Ngô Tấn D, Đỗ M Đ, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc M, Võ Khắc A, Trương Bá V, Ngô Đình T, Vũ T K, Đỗ Thị Bích L, Tân Ngọc T, Huỳnh T, Võ Duy T, Phan Tấn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hữu N kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc những người kháng cáo phải trả tiền đã nhận hỗ trợ do thu hồi đất của Dự án Thủy điện Đ cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ. *(Lê Ngọc Phi không nộp tiền tạm ứng án phí.)*

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không bổ sung, thay đổi và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn B và sửa bản án sơ thẩm theo hướng Miễn hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn B và kháng cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đ, xác định bị hại là UBND huyện S; Công ty Cổ phần Thủy điện Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Kà Đ, Nguyễn Vũ C, Lê Khắc Tâm A và không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Trương Bá V, Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Phan T P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc S, Ngô Tấn D, Đỗ M Đ, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc M, Võ Khắc A, Ngô Đình T, Vũ T K, Đỗ Thị Bích L, Tân Ngọc T, Huỳnh T, Võ Duy T, Phan Tấn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hữu N.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Dự án Thủy điện Đ do Công ty Cổ phần Thủy điện Đ làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt số 16/DHC/HĐQT-QĐ ngày 17/5/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đ.

[1.1] Ngày 30/7/2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đ (bên A) ký Hợp đồng số 01/HĐKT-BTGPMB với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thủy điện Đ, huyện S (bên B). Theo đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thủy điện

Đ, huyện S (bên B) có trách nhiệm thực hiện công tác tư vấn, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, phối hợp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đ để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn huyện S.

[1.2] Ngày 16/9/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1537/QĐ-UBND ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện S tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng Dự án Thủy điện Đ, địa bàn huyện S.

[1.3] Ngày 08/8/2011, UBND huyện S ban hành Quyết định số 599/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ dự án Thủy điện Đ (*viết tắt HĐBT*) do ông Tô C - Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các ông H Văn T - Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện, Nguyễn A D - Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện và V Quý T - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đ làm Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường, các ủy viên gồm: Nguyễn Văn D - Trưởng phòng Đền bù Công ty Cổ phần Thủy điện Đ; Võ T, Phạm Thị Ngọc V, Đinh B, Nguyễn Văn N, Đinh Nguyệt N và Chủ tịch UBND các xã L, L, S; mời đại diện các hộ gia đình có đất bị thu hồi làm ủy viên.

Ngày 17/4/2012, Tô C ký Quyết định số 17/HĐBT-TĐC thành lập Tổ giúp việc HĐBT (*Tổ giúp việc*) do H Văn T làm Tổ trưởng phụ trách 2 xã L, L; Nguyễn A D - Tổ phó phụ trách xã S; Nguyễn Văn D - Tổ phó và các tổ viên gồm: Lương M H, Trần Vạn Q, Nguyễn Văn S, Đỗ Oanh V, Vũ Văn T (*đều là nhân viên Phòng đền bù thủy điện Đ*). Tổ giúp việc có nhiệm vụ phối hợp với UBND các xã L, S và L kiểm kê diện tích các thửa đất, nguồn gốc sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc trên các thửa đất sẽ bị thu hồi; lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) khu vực lòng hồ Dự án thủy điện Đ.

[1.4] Quá trình tổ chức, chỉ đạo, triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Đ khu vực lòng hồ tại 03 xã: L, L và S huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; phát hiện nhiều thửa đất tại khu vực lòng hồ thủy điện Đ đã chuyển nhượng (từ năm 2004 đến năm 2010) không đúng theo quy định của pháp luật (*mua bán đất bằng miệng, hoặc giấy viết tay không có xác nhận công chứng, chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*) và sau khi chuyển nhượng đất; người chuyển nhượng đất nhận tiền, giao đất cho người nhận chuyển nhượng và người chuyển nhượng bỏ đi nơi khác làm ăn theo tập quán du canh, du cư tại địa phương; những người nhận chuyển nhượng đất hầu hết là cán bộ, công chức, làm nghề sửa chữa xe, buôn bán và không phải là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất trên đất bị thu hồi hoặc nhận chuyển nhượng nhằm hưởng tiền bồi thường nhưng các bị cáo trong vụ án đã đưa tên người đã chuyển nhượng đất (*được gọi tắt là chủ trương quy về chủ cũ*) vào diện được bồi thường về đất, để được nhận ưu đãi 2,5 lần giá đất nông nghiệp của chế độ hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và chi trả tiền vượt hạn mức hỗ trợ tối đa trái với quy định của Điều 29 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Điều 22

Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Điều 21 Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi:

“Điều 29. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị thu hồi trên 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người trong độ tuổi lao động; mức hỗ trợ và số lao động cụ thể được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cho phù hợp với thực tế ở địa phương....”

“Điều 22. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp ...ngoài việc được bồi thường bằng tiền ...còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm ...như sau:

a) Hỗ trợ bằng tiền từ 1,5 đến 5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) ...

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hình thức hỗ trợ và mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này cho phù hợp với thực tế của địa phương.”

“Điều 21. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm thực hiện theo điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, điều 16 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT và được quy định cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường, nhưng diện tích được hỗ trợ không vượt quá hai (02) ha cho một hộ...

2. ...

Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm xây dựng phương án đào tạo... Phương án này được lập và phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”.

[1.5] Việc làm trái quy định nêu trên đã dẫn đến chi trả trái với quy định của pháp luật và gây thiệt hại số tiền là 24.329.759.595 đồng (Hai mươi bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng) như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Đinh Khả Đ, Nguyễn Văn C, Lê Khắc Tâm A và Đinh Văn B; kháng cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đ và kháng cáo của những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.1] Bị cáo Đinh Khả Đ: Bị cáo Đinh Khả Đ cho rằng bị cáo không chủ trương đưa tên người đã chuyển nhượng đất (*được gọi tắt là chủ trương quy về chủ cũ*) vào diện được bồi thường về đất, để được nhận ưu đãi 2,5 lần giá đất nông nghiệp của chế độ hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và việc bị cáo chỉ đạo tại Thông báo số 03/TB-BCĐ ngày 31/01/2013, là không trái quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, theo lời khai của các bị cáo Nguyễn A D (*Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường - đã chết*): “Cuộc họp ngày 18/01/2013, Bí thư huyện ủy huyện S Tân-Trưởng ban chỉ đạo công tác bồi thường di dân, tái định cư đã chỉ đạo về diện tích đất quy chủ trong khu vực lòng hồ thủy điện... Thông báo số 03/TB-BCĐ ngày 31/01/2013”; lời khai của bị cáo Tô C (*Chủ tịch Hội đồng bồi thường - đã chết*): “Huyện ủy, UBND huyện S đã cho chủ trương khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ thì đưa người dân đã bán đất vào phương án để chi trả tiền cho họjkhong chấp nhận người nhận chuyển nhượng đất được bồi thường về đất và hỗ trợ mà chỉ cho họ được hưởng tiền bồi thường cây cối, hoa màu...tại các cuộc họp của Hội đồng bồi thường với huyện ủy, UBND huyện Sơ Tây, ông Đinh Khả Đ- Bí thư huyện ủy và ông Phạm Tấn Hoàng – Chủ tịch UBND huyện S là người cho chủ trương bằng các thông báo ...số 03 ngày 31/01/2013 của bí thư huyện ủy”; lời khai của các bị cáo H Văn T (*Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường*): “Thường vụ huyện ủy (cụ thể là ông Đinh Như Tro, Đinh Khả Đ và ông Phạm Tấn Hoàng) đã cho chủ trương khi thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thủy điện Đ, hội đồng bồi thường khi xác định chủ sở hữu quyền sử dụng đất thì quy về chủ cũ (người bán đất) để người dân nhận được khoản tiền bồi thường và tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp của dự án” và “ông Đinh Khả Đ- Trưởng ban chỉ đạo ...ban hành Thông báo số 03/TB-BCĐ ngày 31/01/2013, có nội dung...biểu quyết để quy chủ. Nội dung quy chủ ở đây được các thành viên hội đồng bồi thường gồm tôi,...hiếu phải quy về chủ cũ tức là cho người dân đã bán đất. Đây cũng là ý kiến chỉ đạo trực tiếp bằng miệng của ông Đ Bí thư tại các cuộc họp của huyện.”; lời khai của bị cáo bị cáo V Quý T: “Việc chỉ đạo của huyện ủy, UBND huyện về việc quy về chủ cũ được triển khai trong nhiều cuộc họp có sự tham gia của tôi (T) nhưng tôi không ghi chép vào sổ tay...”. Các lời khai trên của Nguyễn A D, Tô C, H Văn T và V Quý T- là những người triển khai chủ trương: “*chủ trương quy về chủ cũ*” phù hợp với lời khai của các hộ dân Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Võ Duy T, Phan Tấn T, Đỗ Thị Bích L, Đỗ M Đ, Vũ T K, Lê Ngọc Phi là những người nhận chuyển nhượng đất tại các đơn kháng cáo; về việc bị cáo Đinh Khả Đ chỉ đạo chủ trương “*chủ trương quy về chủ cũ*”: “Theo chủ trương của huyện (ông Đinh Khả Đ và ông Tô C) tiếp xúc cử tri có nói với dân rằng: vì toàn bộ đất này việc chuyển nhượng quyền sử dụng không có giấy tờ, không đúng thủ tục...hai ông nói nên quy chủ cho người chuyển nhượng đất, đứng tên để nhận tiền bồi thường hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, để được hưởng chính sách đền bù, hỗ trợ của nhà nước...tôi thống nhất với nhau, đồng ý để xã lập danh sách cho người chuyển nhượng đất (người bán) đứng tên nhận số tiền này và sau đó cùng thỏa thuận hoàn trả với nhau.”. Bên cạnh

đó, chủ trương “*chủ trương quy về chủ cũ*”; được bị cáo Đ thừa nhận tại biên bản ghi lời khai ngày 21/7/2022 là sau khi nghe ý kiến phát biểu của một số thành viên tham dự họp, bị cáo đã kết luận chỉ đạo: “*Đối với đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bồi thường, hỗ trợ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với đất chưa có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) đã được người dân địa phương (người đồng bào) bán, chuyển nhượng cho người khác không đúng quy định pháp luật thì xem xét bồi thường, hỗ trợ cho chủ gốc có đất để họ được hưởng lợi 2,5 lần để không bị thiệt thòi, vì họ không còn gì để canh tác, sinh sống*”. Sau đó, bị cáo Đ ký ban hành Thông báo số 03/TB-BCĐ ngày 31/01/2013 thể hiện đúng tinh thần bị cáo kết luận trong cuộc họp và được thể hiện tại Công văn số 292-CV/HU ngày 18/7/2016 do bị cáo Đinh Kà Đ ký ban hành với nội dung “*Một lần nữa Ban Thường vụ Huyện ủy S khẳng định việc chỉ đạo 02 Thông báo trên (Thông báo số 27/TB-UBND ngày 16/4/2012 và Thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 31/01/2013) là nhằm mục đích để nhân dân bản địa vùng lòng hồ Thủy điện Đ được hưởng lợi số tiền Nhà nước ưu đãi hỗ trợ 2,5 lần để chuyển đổi nghề nghiệp. Vì thực tế mua bán không theo một hành lang pháp luật nào cả. Vì vậy, 02 Thông báo trên là chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng*”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Bị cáo Đinh Kà Đ là Bí thư huyện ủy và là trưởng ban chỉ đạo công tác bồi thường, di dân, tái định cư Dự án Thủy điện Đ; đã chủ trương lập phương án cho những người đã bán đất (*chủ cũ*) để họ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp là nguyên nhân dẫn đến việc Hội đồng bồi thường Dự án Thủy điện Đ đưa tên chủ cũ vào phương án bồi thường để họ được nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật và tuyên bị cáo Đinh Kà Đ phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội và đúng pháp luật. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Kà Đ.

[2.2] Bị cáo Nguyễn Vỹ C và bị cáo Lê Khắc Tâm A:

Bị cáo Nguyễn Vỹ C là công chức địa chính xã L và bị cáo Lê Khắc Tâm A là công chức địa chính xã S đều có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, kiến thức để thực hiện chức trách/nhiệm vụ; khi thực hiện một chức trách/nhiệm vụ và khi đưa ra một hành vi/quyết định đều phải biết hoặc buộc phải biết được pháp luật liên quan đến hành vi/quyết định trong công tác về quản lý, giải quyết đất đai tại nơi công tác. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, thực hiện công tác bồi thường Dự án Thủy điện Đ; các bị cáo Nguyễn Vỹ C và Lê Khắc Tâm A được giao là thành viên tổ đền bù (*tổ giúp việc*) của xã, các bị cáo tham gia đo đạc đất đai, kiểm đếm; xác minh nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất nên các bị cáo biết rõ chủ sử dụng đất mới (*người nhận chuyển nhượng*) và chủ sử dụng đất cũ (*người đã chuyển nhượng*) đều không thuộc đối tượng được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp nhưng các bị cáo Nguyễn Vỹ C và Lê Khắc Tâm A đã ký xác nhận và tham mưu cho Chủ tịch hoặc phó chủ tịch xã ký vào các Biểu mẫu số 02 (*Bảng kết quả xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình,*

cá nhân), Biểu số 03 (*Giấy xác nhận quyền sử dụng đất*) và Biểu số 04 (*Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất*) đã được lập ghi tên chủ cũ là không đúng hiện trạng chủ sử dụng và các Biểu mẫu số 02, Biểu số 03 và Biểu số 04 này là cơ sở để Hội đồng bồi thường lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi trả tiền. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Khắc Tâm A là hành vi giúp sức cho Hội đồng bồi thường lập phương án và chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp sai quy định và gây thiệt hại nghiêm trọng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Lê Khắc Tâm A, phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.3] Bị cáo Đinh Văn B:

Bị cáo Đinh Văn B, tại thời điểm thực hiện công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng hạng mục lòng hồ xã L – Dự án thủy điện Đ là Phó chủ tịch UBND xã L được Chủ tịch UBND xã L phân công làm tổ trưởng “*Tổ công tác đền bù công trình thủy điện Đ của UBND xã*” nhưng bị cáo B đã không tham gia cùng Tổ công tác đi kiểm kê, xác minh nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất nhưng ký xác nhận vào Biểu số 03 (*Giấy xác nhận quyền sử dụng đất*), Biểu số 04 (*Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất*) và danh sách hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp theo sự tham mưu của bị cáo Nguyễn Văn C- cán bộ địa chính xã mà không kiểm tra dẫn đến chi trả sai quy định cho 49 đối tượng tại xã L tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và gây thiệt hại số tiền 9.937.934.100 đồng. Hành vi của bị cáo Đinh Văn B, bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo hình phạt tù là nặng so với các bị cáo khác trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Đinh Văn B trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đã thành khẩn khai báo và nộp 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo có cha Đinh Văn Tùm là bệnh binh, bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến và trong quá trình công tác, bị cáo được UBND huyện S tặng thưởng nhiều Giấy khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và phạm tội do hoàn cảnh đáng được khoan hồng nên bị cáo đủ điều kiện để áp dụng Điều 59 Bộ luật hình sự. Mặt khác, trong vụ án này; bị cáo Đinh Văn B, Trương Quang T và Đinh Văn Treo là các Phó Chủ tịch UBND các xã L, S, L đều được sự ủy quyền của Chủ tịch xã tham gia Hội đồng bồi thường nhưng không tham gia trực tiếp vào công tác bồi thường, do nhiệm vụ công tác tại UBND xã nhiều và đã ký xác nhận vào Biểu số 03 và Biểu số 04 trên cơ sở tin tưởng vào cán bộ địa chính xã là cán bộ tham mưu đã tham gia trực tiếp với Hội đồng bồi thường; các bị cáo Đinh Văn B, Trương Quang

T, Đinh Văn Treo có vai trò, vị trí ngang nhau và cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; nhân thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và phạm tội do hoàn cảnh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đinh Văn B hình phạt tù (*cho hưởng án treo*); các bị cáo Trương Quang T và Đinh Văn Treo được miễn hình phạt là không phù hợp. Bên cạnh đó, trong vụ án này, hành vi của bị cáo Trương Quang T gây thiệt hại (*số tiền 10.021.383.239 đồng*) là nhiều hơn bị cáo Đinh Văn B (*9.937.934.100 đồng*) nên việc xử phạt tù (*cho hưởng án treo*) đối với bị cáo Đinh Văn B không đúng quy định tại khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn B.

[2.4] Công ty Cổ phần Thủy điện Đ:

Theo như đã nhận định ở phần [1]; Dự án Thủy điện Đ do Công ty Cổ phần Thủy điện Đ làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt số 16/DHC/HĐQT-QĐ ngày 17/5/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đ; đến ngày 30/7/2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đ ký Hợp đồng số 01/HĐKT-BTGPMB với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thủy điện Đ, huyện S, có nội dung Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thủy điện Đ, huyện S có trách nhiệm thực hiện công tác tư vấn, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, phối hợp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đ để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn huyện S và đến ngày 16/9/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1537/QĐ-UBND ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện S tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường và giải phóng mặt bằng Dự án Thủy điện Đ, địa bàn huyện S theo quy định của pháp luật. Như vậy, Công ty Cổ phần Thủy điện Đ vẫn là chủ đầu tư Dự án Thủy điện Đ; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã được ký kết và nhiệm vụ của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện S về tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án theo quy định của pháp luật; Công văn số 2905/UBND-CN XD ngày 05/10/2010 chỉ giao cho UBND huyện S là chủ đầu tư đối với dự án bồi thường, di dân và tái định cư **thuộc Dự án Thủy điện Đ**, theo đề nghị của Công ty Cổ phần Thủy điện Đ theo Điều 19 Quyết định số 34/2010/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ: “Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1. Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ đầu tư dự án bồi thường di dân, tái định cư **thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện tại địa bàn tỉnh**.”; chính vì vậy, ngày 10/11/2011 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đ với UBND huyện S ký thỏa thuận cơ chế phối hợp về di dân, tái định cư: “*Bồi thường – GPMB các khu tái định cư, tái định canh và xây dựng dự án di dân, tái định cư thuộc Dự án Thủy điện Đ...đảm bảo cho nhân dân có cuộc sống ổn định sản xuất bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.*” Và: “UBND huyện S làm Chủ đầu tư dự án di dân, tái định cư thuộc Dự án Thủy điện Đ trên địa bàn huyện S theo Công văn số 2905/UBND-CN XD ngày

05/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là dự án thành phần thuộc công trình Thủy điện Đ do PV Power DHC (Cổ phần Thủy điện Đ) là chủ đầu tư.”.

Vì vậy, kháng cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đ cho rằng UBND huyện S là chủ đầu tư, là người bị hại là không đúng và Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Cổ phần Thủy điện Đ là bị hại trong vụ án này là đúng quy định của Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2.5] Về kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Phan T P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc S, Ngô Tấn D, Đỗ M Đ, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc M, Võ Khắc A, Trương Bá V, Ngô Đình T, Vũ T K, Đỗ Thị Bích L, Tân Ngọc T, Huỳnh T, Lê Ngọc Phi, Võ Duy T, Phan Tấn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hữu N:

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu vực lòng hồ thủy điện Đ của ba xã L, L, S bằng hình thức bằng miệng hoặc viết tay; được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thừa nhận và không có tranh chấp quyền sử dụng đất nên người nhận chuyển nhượng được bồi thường về đất nhưng để người đã chuyển nhượng được hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề nghiệp thì họ phải đang là người sử dụng đất nên theo chủ trương chỉ đạo “*chủ trương quy về chủ cũ*”; Hội đồng bồi thường lập thành hai phương án bồi thường:

Phương án bồi thường về hoa màu, cây cối và tài sản trên đất cho người nhận chuyển nhượng đất đứng tên được nhận (*gọi là PA1*) và Phương án bồi thường về đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp do người đã chuyển nhượng đứng tên (*gọi là PA2*). Mục đích để người bán đất được hưởng chuyển đổi nghề nghiệp, người mua đất được hưởng tiền bồi thường về đất. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện S đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; Hội đồng bồi thường chi tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho những người đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sau khi được nhận tiền, giữa người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng đã thỏa thuận chia, nhận tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người thực nhận số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật phải trả lại cho Công ty cổ phần Thủy điện Đắc Đrinh là đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

[2.5.1] Hồ Thị L:

Ông Đinh Văn Thắng bán cho bà Hồ Thị L thửa đất số 75 thuộc tờ bản đồ số 5 nhưng ông Đinh Văn Đay (Đây) là người nhận giúp số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật; sau khi nhận tiền ông Đay (Đây) đã giao lại cho bà Hồ Thị L 9.983.500 đồng. Do đó, bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 9.983.500 đồng.

Ông Đinh Văn Huyết bán cho bà Hồ Thị L thửa đất số 14, 46 thuộc tờ bản đồ số 6; ông Huyết nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật với tổng số tiền là 53.620.000 đồng; sau khi nhận số tiền ông Huyết đã giao lại

cho bà Hồ Thị L là người mua đất của ông số tiền 39.552.000 đồng. Như vậy, bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 39.552.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 49.535.500 đồng.

[2.5.2] Nguyễn Thị H:

Ông Đinh Văn Lực bán cho bà Nguyễn Thị H thửa đất số 69 thuộc tờ bản đồ số 6; ông Lực nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền đã đưa lại cho bà Nguyễn Thị H 16.464.000 đồng nên bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 16.464.000 đồng

Ông Đinh Văn Duân bán cho bà Nguyễn Thị H thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 6; ông Duân nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho bà Nguyễn Thị H là người mua đất của ông số tiền 12.248.200 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 12.248.200 đồng.

[2.5.3] Phan T P:

Ông Đinh Văn Trãi bán đất cho ông Phan T P thửa đất số 113, 114 tờ bản đồ số 5. Ông Đinh Văn Lê đứng tên nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên ông Lê đã giao lại cho ông Phan T P số tiền 11.351.000 đồng. Do đó, ông Phan T P phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 11.351.000 đồng.

Ông Đinh Văn Nuôi bán cho ông Phan T P thửa đất số 18 thuộc tờ bản đồ số 5. Ông Nuôi nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phan T P số tiền 49.325.600 đồng. Do đó, ông Phan T P phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 49.325.600 đồng.

Ông Đinh Văn Mại bán cho ông Phan T P thửa đất số 89 thuộc tờ bản đồ số 5. Ông Mại nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phan T P số tiền 4.025.400 đồng. Do đó, ông Phan T P phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 4.025.400 đồng.

Ông Đinh Văn Đu bán cho ông Phan T P thửa đất số 204, 205, 206, 207, 208, 209, 211, 213 thuộc tờ bản đồ số 15. Ông Đinh Văn Sông là người nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền ông Đinh Văn Sông đã giao lại cho ông Phan T P 21.605.500 đồng nên ông Phan T P phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ là 21.605.500 đồng.

[2.5.4] **Nguyễn Ngọc V:**

Ông Đinh Văn Trãi bán cho ông Nguyễn Ngọc V thửa đất số 12 thuộc tờ bản đồ số 3 nhưng Đinh Văn Ray là người nhận giúp số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Ray đã giao lại cho ông Nguyễn Ngọc V 38.189.600 đồng. Do đó, ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 38.189.600 đồng.

Ông Đinh Văn Trãi bán thửa đất số 11 tờ bản đồ số 3 cho ông Nguyễn Ngọc V nhưng ông Đinh Ka Rem là người nhận giúp số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền ông Đinh Ka Rem đã đưa cho bà Đặng Thị Thu Hồng là 23.652.800 đồng; sau đó, bà Hồng đưa lại số tiền này cho ông Nguyễn Ngọc V nên ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 23.652.800 đồng,

Ông Đinh Văn Trãi bán cho ông Nguyễn Ngọc V thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 3 nhưng ông Đinh Văn Đí là người nhận giúp số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền, ông Đí đã giao lại cho Nguyễn Ngọc V 14.012.000 đồng nên ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 14.012.000 đồng

Ông Đinh Văn Săm (Xăm) bán cho ông Nguyễn Ngọc V thửa đất số 310, 311, 312, 313 thuộc tờ bản đồ số 16. Ông Xăm nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên, ông Xăm đã giao lại cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 71.402.700 đồng. Do đó, ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 71.402.700 đồng.

Ông Đinh Văn Đèo bán cho ông Nguyễn Ngọc V thửa đất số 326 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đèo nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật số tiền 41.520.150 đồng và sau khi nhận số tiền trên ông Đèo đã giao lại toàn bộ cho ông Nguyễn Ngọc V. Như vậy, ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 41.520.150 đồng.

Ông Đinh Văn Đèo bán cho ông Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Ngọc S thửa đất số 85 thuộc tờ bản đồ số 18. Ông Đinh Văn Sò nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật với tổng số tiền là 91.252.700 đồng. Bà Đinh Thị Hầy (*vợ của ông Đinh Văn Sò*) khai đã nhận của ông S và ông V 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 61.252.700 đồng, ông V và ông S thỏa thuận mỗi người nhận một nửa số tiền trên. Do đó, ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 30.626.350 đồng.

[2.5.5] **Nguyễn Ngọc S:**

Ông Đinh Văn Đèo bán cho ông Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Ngọc S thửa đất số 85 thuộc tờ bản đồ số 18 như đã nêu trên. Ông Đinh Văn Sò nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và chia cho ông S 30.626.350

đồng nên ông Nguyễn Ngọc S phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 30.626.350 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc S là người mua đất của các ông Đinh Văn Chách, Đinh Văn Chuân, Đinh Văn Mai, Đinh Văn Kết, Đinh Văn Nhách, Đinh Văn Lá A, Đinh Văn Nhoi, Đinh Văn Bôn, Đinh Văn Linh và Đinh Văn Toàn các thửa đất số 77, 48 thuộc tờ bản đồ số 18; thửa đất số 186, 128, 196, 262, 253 thuộc tờ bản đồ số 14; thửa đất số 40, 67 thuộc tờ bản đồ số 9; thửa đất số 121 thuộc tờ bản đồ số 15; thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 17. Trong quá trình nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp ông Nguyễn Ngọc S nhờ người khác đứng tên nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái quy định của pháp luật và sau khi nhận hộ tiền, họ đã giao lại toàn bộ cho ông Nguyễn Ngọc S, số tiền 1.040.213.500 đồng. Sau khi nhận ông Nguyễn Ngọc S cho ông Đinh Văn Chuân số tiền 60.000.000 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Ngọc S phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 980.213.500 đồng.

Ông Lê Ngọc Hải mua đất của ông Đinh Văn Lân, sau đó, ông Lê Ngọc Hải bán lại cho ông Nguyễn Ngọc S thửa đất số 4 thuộc tờ bản đồ số 3. Ông Đinh Văn Lân là người đứng tên nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền, ông Lân đã giao lại cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền 82.274.400 đồng. Do đó, ông Nguyễn Ngọc S phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 82.274.400 đồng.

[2.5.6] Ngô Tấn D:

Ông Đinh Văn Sò bán đất cho ông Ngô Tấn D thửa đất 126 tờ bản đồ số 18. Ông Đinh Văn Mười nhận tiền giúp hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền ông Đinh Văn Mười giao lại cho ông Ngô Tấn D. Ông Ngô Tấn D đã cho ông Sò 30.000.000 đồng, ông Ngô Tấn D còn giữ lại số tiền là 187.158.200 đồng. Như vậy, ông Ngô Tấn D phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 187.158.200 đồng.

Ông Đinh Văn Đèo, ông Đinh Văn Lá A, bà Đinh Thị Quyên bán cho ông Ngô Tấn D thửa đất 222, 28, 127 tờ bản đồ số 14. Ông Đinh Văn Linh nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Linh giao lại toàn bộ cho ông Ngô Tấn D số tiền 216.224.750 đồng. Như vậy, ông Ngô Tấn D phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 216.224.750 đồng.

Ông Đinh Văn Thắng bán cho ông Ngô Tấn D thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 6. Ông Thắng nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền ông Thắng đã giao lại cho ông Ngô Tấn D số tiền 51.286.500 đồng. Như vậy, ông Ngô Tấn D phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 51.286.500 đồng.

Ông Đinh Văn Nhung bán cho ông Ngô Tấn D thửa đất số 13 tờ bản đồ số 6. Ông Đinh Văn Nhung nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền ông Nhung đã giao lại cho ông Ngô Tấn D số tiền 172.588.500 đồng. Như vậy, ông Ngô Tấn D phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 172.588.500 đồng.

[2.5.7] Đỗ M Đ:

Ông Đinh Văn Tả bán cho ông Đỗ M Đ thửa đất số 133, 67 thuộc tờ bản đồ số 23. Ông Tả nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Đỗ M Đ số tiền 85.441.850 đồng. Do đó, ông Đỗ M Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 85.441.850 đồng.

Ông Đinh Văn Toàn bán cho ông Đỗ M Đ thửa đất số 22 thuộc tờ bản đồ số 23. Ông Toàn nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Đỗ M Đ số tiền 135.665.250 đồng. Do đó, ông Đỗ M Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 135.665.250 đồng.

Ông Đinh Văn Đi bán cho ông Đỗ M Đ thửa đất số 14 thuộc tờ bản đồ số 25. Ông Đi nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Đỗ M Đ số tiền 117.363.000 đồng. Do đó, ông Đỗ M Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 117.363.000 đồng.

Ông Đinh Văn Sáu bán cho ông Đỗ M Đ thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 2. Ông Sáu nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền ông Sáu đã giao lại cho ông Đỗ M Đ số tiền 120.553.500 đồng. Như vậy, ông Đỗ M Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 120.543.500 đồng.

[2.5.8] Nguyễn Thị Thu H:

Ông Nguyễn Văn Đ bán cho bà Nguyễn Thị Thu H thửa đất số 129 thuộc tờ bản đồ số 18. Ông Đ nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Đ đã giao lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 183.900.000 đồng. Như vậy, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 183.900.000 đồng.

Ông Đinh Văn Tua bán đất cho ông Phạm Ngọc M, sau đó, ông Phạm Ngọc M tiếp tục bán lại cho bà Nguyễn Thị Thu H (thửa đất số 95 thuộc tờ bản đồ số 17). Ông Đinh Văn Dòng nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Dòng đã giao lại toàn bộ số tiền 60.858.000 đồng cho ông Phạm Ngọc M. Ông Phạm Ngọc M giao lại cho bà Nguyễn

Thị Thu H số tiền 22.612.000 đồng. Như vậy, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 22.612.000 đồng.

[2.5.9] Phạm Ngọc M:

Ông Đinh Văn Chi, ông Đinh Văn Kỳ, ông Đinh Văn S, ông Đinh Văn Trun bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 7, 212, 175 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đinh Văn Vo là người đứng tên nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Đinh Văn Vo đã giao lại toàn bộ cho ông Phạm Ngọc M số tiền 325.231.550 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 325.231.550 đồng.

Ông Đinh Văn Lá B bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 139, 141 thuộc tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 42 tờ bản đồ số 9. Ông Đinh Văn Vo nhận thay tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận ông Đinh Văn Vo đã giao lại toàn bộ cho ông Phạm Ngọc M số tiền 259.560.300 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 259.560.300 đồng.

Ông Đinh Văn Bút bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 16 thuộc tờ bản đồ số 15. Ông Đinh Văn Bút nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền, ông Đinh Văn Bút đã giao lại toàn bộ cho ông Phạm Ngọc M số tiền 23.583.750 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 23.583.750 đồng.

Ông Đinh Văn Sò bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 17. Ông Đinh Văn Dòng là người nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Đinh Văn Dòng đã giao lại toàn bộ cho ông Phạm Ngọc M số tiền trên. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 115.723.300 đồng.

Ông Đinh Văn Trua bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 95 thuộc tờ bản đồ số 17. Ông Đinh Văn Dòng nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền ông Đinh Văn Dòng đã giao lại toàn bộ cho ông Phạm Ngọc M số tiền trên. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 60.858.000 đồng.

Ông Đinh Văn Săm (Xăm) bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 94 thuộc tờ bản đồ số 17. Ông Đinh Văn Dòng nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền ông Đinh Văn Dòng đã giao lại toàn bộ cho ông Phạm Ngọc M số tiền 97.732.950 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 97.732.950 đồng.

Ông Đinh Văn Lôn bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 232 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đinh Văn Lôn nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên, ông Lôn đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M số tiền 51.365.250 đồng. Do đó, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 51.365.250 đồng.

Ông Đinh Văn Lành bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 16, 14 thuộc tờ bản đồ số 9. Bà Đinh Thị Ít là người đứng tên hộ nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền bà Đinh Thị Ít đã giao lại toàn bộ cho ông Phạm Ngọc M số tiền 322.983.000 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 322.983.000 đồng.

Ông Đinh Văn Yếu bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 36 thuộc tờ bản đồ số 24. Ông Yếu nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M số tiền 75.878.250 đồng. Do đó, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 75.878.250 đồng

Ông Đinh Văn Đẩu bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 16 thuộc tờ bản đồ số 23. Ông Đẩu nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M, số tiền 171.028.500 đồng. Do đó, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 171.028.500 đồng.

Ông Đinh Văn H bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 8 thuộc tờ bản đồ số 21. Ông H nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 20.000.000 đồng.

Ông Đinh Trọng Điều bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 8 thuộc tờ bản đồ số 24. Ông Điều nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M số tiền 56.648.500 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 56.648.500 đồng.

Ông Đinh Văn Hòa bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 31 thuộc tờ bản đồ số 23. Ông Hòa nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M, số tiền 53.551.750 đồng. Do đó, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 53.551.750 đồng.

Bà Đinh Thị Íp bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 7, 14 thuộc tờ bản đồ số 23. Bà Íp nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật

và sau khi nhận số tiền trên bà đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M số tiền 64.746.900 đồng. Do đó, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 64.746.900 đồng.

Ông Đinh Văn H mua thửa đất số 7 thuộc tờ bản đồ số 21 của ông Đinh Văn Phân, ông Đinh Văn H bán lại đất này cho ông Phạm Ngọc M. Ông H nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Đinh Văn H đã giao cho ông M 16.397.850 đồng. Như vậy, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 16.397.850 đồng.

Ông Đinh Văn T bán cho ông Phạm Ngọc M thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 24. Ông T nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Phạm Ngọc M, số tiền 32.492.375 đồng. Do đó, ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 32.492.375 đồng.

[2.5.10] Võ Khắc A:

Ông Đinh Văn Liệt bán cho ông Võ Khắc A thửa đất số 318, 225 thuộc tờ bản đồ số 14; thửa đất số 27 thuộc tờ bản đồ số 15; thửa đất số 77 thuộc tờ bản đồ số 17; thửa đất số 83 thuộc tờ bản đồ số 18. Ông Liệt nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Võ Khắc A số tiền 316.406.000 đồng. Do đó, ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 316.406.000 đồng.

Ông Đinh Văn Lợi bán cho ông Võ Khắc A thửa đất số 263 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Lợi nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Võ Khắc A số tiền 104.027.100 đồng. Do đó, ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 104.027.100 đồng.

Ông Đinh Văn Đèo bán cho ông Võ Khắc A thửa đất số 339, 268 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đèo nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Võ Khắc A số tiền 51.860.400 đồng. Do đó, ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 51.860.400 đồng.

Ông Đinh Văn Trãi bán cho ông Võ Khắc A thửa đất số 104 thuộc tờ bản đồ số 12. Ông Đinh Văn Điền đứng tên nhận hộ tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp số tiền 50.161.300 đồng luật và sau khi nhận số tiền trên ông Điền đã giao lại toàn bộ cho ông Võ Khắc A. Như vậy, ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 50.161.300 đồng.

Bà Đinh Thị Đèo bán cho ông Võ Khắc A thửa đất số 98 thuộc tờ bản đồ số 17. Bà Đèo nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật

và sau khi nhận số tiền trên bà Đào đã giao lại toàn bộ cho ông Võ Khắc A số tiền 32.317.950 đồng. Như vậy, ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 32.317.950 đồng.

Ông Đinh Tá B bán cho ông Võ Khắc A thửa đất số 250 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đinh Văn Đắp là người đứng tên nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận số tiền trên ông Đinh Văn Đắp đã giao lại toàn bộ cho ông Võ Khắc A số tiền 26.878.950 đồng. Như vậy, ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 26.878.950 đồng.

Ông Đinh Văn V, ông Đinh Văn Trãi, bà Đinh Thị Hâm bán cho ông Phan Ngọc N và Võ Khắc A thửa đất số 55, 104, 48 thuộc tờ bản đồ số 12. Ông Đinh Văn Điền là người nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật và sau khi nhận tiền ông Điền đã giao lại toàn bộ số tiền 127.255.450 đồng cho ông Võ Khắc A. Như vậy, ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 127.255.450 đồng.

[2.5.11] Ngô Đình T:

Ông Đinh Văn Lá A, ông Đinh Văn Luôn bán đất cho ông Ngô Đình T thửa đất số 27, 71 tờ bản đồ số 9. Bà Đinh Thị Dung đứng tên nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên bà Linh giao lại toàn bộ cho ông Ngô Đình T. Như vậy, ông Ngô Đình T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 79.999.850 đồng.

[2.5.12] Vũ T K:

Ông Đinh Văn Nhói bán cho ông Vũ T K thửa đất số 26 thuộc tờ bản đồ số 9. Ông Nhói nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Vũ T K số tiền 83.177.000 đồng. Do đó ông Vũ T K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 83.177.000 đồng.

Ông Đinh Văn Rốp bán cho ông Vũ T K thửa đất số 96 thuộc tờ bản đồ số 17. Ông Rốp nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Vũ T K là người mua đất của ông số tiền 119.712.000 đồng. Do đó, ông Vũ T K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 119.712.000 đồng.

Ông A Đường và ông Đinh Văn Đầu bán cho ông Vũ T K thửa đất số 198, 181, 195, 196, 197, 199, 201, 202, 203, 204, 210, 211, 216 thuộc tờ bản đồ số 17. Ông Đinh M Rê là người đứng tên nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên ông Đinh M Rê đã giao lại cho ông Vũ T K số tiền 55.644.550 đồng. Như vậy, ông Vũ T K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 55.644.550 đồng.

Ông Đinh Văn Chưa bán thửa đất số 2 thuộc tờ bản đồ số 21 cho ông Nguyễn Văn Đ, Ông Đ bán lại đất này cho ông Vũ T K. Ông Chưa nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Vũ T K, số tiền 107.875.000 đồng. Do đó, Ông Vũ T K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 107.875.000 đồng.

Ông Đinh M Rê bán cho ông Vũ T K thửa đất số 4 thuộc tờ bản đồ số 20. Ông Rê nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại cho ông Vũ T K số tiền 36.773.275 đồng. Do đó, ông Vũ T K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 36.773.275 đồng.

[2.5.13] Đỗ Thị Bích L:

Ông Đinh Văn Linh, ông Đinh Văn Kiều, ông Đinh Văn Lách bán cho bà Đỗ Thị Bích L thửa đất số 178 thuộc tờ bản đồ số 17; thửa đất số 335 thuộc tờ bản đồ số 14; thửa đất số 208 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đinh Văn Diễm đứng tên nhận hộ tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên ông Diễm đã giao lại toàn bộ cho bà Đỗ Thị Bích L 351.918.000 đồng. Do đó, bà Đỗ Thị Bích L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 351.918.000 đồng.

[2.5.14] Tân Ngọc T:

Ông Đinh Văn Tả bán cho ông Tân Ngọc T thửa đất số 135 thuộc tờ bản đồ số 18. Bà Đinh Thị Hết đứng tên nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận tiền bà Đinh Thị Hết đã giao lại toàn bộ số tiền đã nhận cho ông Tân Ngọc T, ông Tân Ngọc T đã giao lại 60.000.000 đồng cho ông Đinh Văn Tả. Như vậy, ông Tân Ngọc T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 167.923.000 đồng.

[2.5.15] Huỳnh T:

Ông Đinh Văn Rong bán cho ông Ngô Phi C và ông Huỳnh T (cùng góp tiền mua đất) thửa đất số 353 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đinh Văn Đách nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận ông Đách đã giao lại toàn bộ số tiền trên cho ông Huỳnh T nhận 63.866.000 đồng. Do đó, ông Huỳnh T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 63.866.000 đồng.

Ông Đinh Văn Đèo bán cho ông Ngô Phi C và ông Huỳnh T (cùng góp tiền mua đất) thửa đất số 267 thuộc tờ bản đồ số 14. Ông Đinh Văn Đách nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận ông Đách đã giao lại ông Huỳnh T nhận 33.415.075 đồng. Do đó, ông Huỳnh T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 33.415.075 đồng.

Bà Đinh Thị Nhách bán cho ông Ngô Phi C, ông Nguyễn Văn C, ông Huỳnh T (cùng góp tiền mua đất) thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 9. Bà Đinh Thị Nhách nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận bà Nhách đã giao lại ông Huỳnh T nhận 166.386.250 đồng. Do đó, ông Huỳnh T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 166.386.250 đồng.

Ông Huỳnh T có đất nông nghiệp là 12.568 m² và đất lâm nghiệp là 74.674m². Hội đồng bồi thường đã chi trả tiền hỗ trợ vượt hạn mức cho ông T với diện tích đất lâm nghiệp vượt hạn mức là 604.513.000 đồng. Do đó, ông Huỳnh T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 604.513.000 đồng.

[2.5.16] Võ Duy T:

Bà Đinh Thị Điền bán đất cho ông Võ Duy T thuộc thửa đất 60 tờ bản đồ số 9. Bà Điền nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên bà Điền đã giao lại toàn bộ số tiền 212.280.250 đồng cho ông Võ Duy T. Như vậy, ông Võ Duy T còn phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 212.280.250 đồng.

Ông Đinh Văn Kiên bán cho ông Võ Duy T thửa đất số 1, 3 thuộc tờ bản đồ số 20. Ông Kiên nhận giúp tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật, sau khi nhận số tiền trên ông đã giao lại toàn bộ cho ông Võ Duy T. Như vậy, ông Võ Duy T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 292.934.250 đồng.

[2.5.17] Phan Tấn T:

Bà Đinh Thị Treo và ông Đinh Văn Hy (Rô) bán đất cho ông Phan Tấn T thuộc thửa đất 128, 159, 160, 161, 205, 179 tờ bản đồ số 17; thửa đất số 100, 101, 102, 103, 119, 120, 121 tờ bản đồ số 18. Ông Đinh Văn Hy (Phúi) nhận giúp tiền chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật. Sau khi nhận ông Đinh Văn Hy (Phúi) giao lại hết toàn bộ số tiền đã nhận 691.460.100 đồng cho Phan Tấn T. Do đó, ông Phan Tấn T còn phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 691.460.100 đồng.

[2.5.18] Nguyễn Văn Đ:

Ông Nguyễn Văn Đ có đất nông nghiệp là 35.352 m² và đất lâm nghiệp là 27.212,5 m². Hội đồng bồi thường đã chi trả tiền hỗ trợ vượt hạn mức cho ông Đ là 354.141.550 đồng nên ông Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 354.141.550 đồng.

[2.5.19] Nguyễn Hữu N:

Ông Nguyễn Hữu N có đất nông nghiệp là 44.299,1 m² và đất lâm nghiệp là 7599,9 m². Hội đồng bồi thường đã chi trả tiền hỗ trợ vượt hạn mức cho ông N với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức là 519.216.354 đồng nên ông Nguyễn Hữu N

phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 519.216.354 đồng.

[2.5.20] Trương Bá V:

Ông Nguyễn Đ Trung là chủ cũ của thửa đất số 284 thuộc tờ bản đồ số 17. Theo quyết định, ông Nguyễn Đ Trung nhận tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp trái với quy định của pháp luật với tổng số tiền là 195.375.250 đồng nhưng ông Nguyễn Đ Trung ủy quyền cho ông Trương Bá V nhận toàn bộ số tiền trên. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng sau khi nhận tiền ông Trương Bá V không giao lại cho ông Trung số tiền là 195.375.250 đồng nên đã buộc ông Trương Bá V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 195.375.250 đồng. Tuy nhiên, theo giấy xác nhận của ông Nguyễn Đ Trung ngày 12/12/2017- Có xác nhận của UBND thị trấn Đình Văn, huyện Lâm H, tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn Đ Trung đã nhận số tiền trên từ ông Trương Bá V. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Trương Bá V và buộc Nguyễn Đ Trung phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 195.375.250 đồng.

[3] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đình Văn B và chấp nhận kháng cáo của ông Trương Bá V; do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đình Văn B và ông Trương Bá V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đình Kà Đ, Nguyễn Vỹ C, Lê Khắc Tâm A; Công ty Cổ phần Thủy điện Đ và không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Phan T P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc S, Ngô Tấn D, Đỗ M Đ, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc M, Võ Khắc A, Ngô Đình T, Vũ T K, Đỗ Thị Bích L, Tân Ngọc T, Huỳnh T, Võ Duy T, Phan Tấn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hữu N; do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên những kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các bị cáo H Văn T, Nguyễn Vỹ C, Lê Khắc Tâm A, Trần M V, Nguyễn Văn D phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” là các bị cáo có vai trò chính trong vụ án này và mức hình phạt tù của khung hình phạt áp dụng là từ 10 năm đến 20 năm, theo quy định tại khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 và có mức hình phạt tù của khung hình phạt liên kề nhẹ hơn là từ 03 năm đến 12 năm, theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo H Văn T; áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự: xử hình phạt tù (*cho hưởng án treo*) đối với các bị cáo Nguyễn Vỹ C, Lê Khắc Tâm A, Trần M V và Nguyễn Văn D, với mức hình phạt dưới 03 năm tù là không đúng quy định của pháp luật. Cho nên, HĐXX kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

[5] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn B và chấp nhận kháng cáo của ông Trương Bá V; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn B và về trách nhiệm dân sự của ông Trương Bá V.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Khả Đ, Nguyễn Vũ C, Lê Khắc Tâm A; Công ty Cổ phần Thủy điện Đ và không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Phan T P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc S, Ngô Tấn D, Đỗ M Đ, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc M, Võ Khắc A, Ngô Đình T, Vũ T K, Đỗ Thị Bích L, Tân Ngọc T, Huỳnh T, Võ Duy T, Phan Tấn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hữu N; Xử:

[1] Tuyên bố các bị cáo: Đinh Khả Đ, Nguyễn Vũ C, Lê Khắc Tâm A phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”; bị cáo Đinh Văn B phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

- Áp dụng: khoản 3 Điều 165; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Khả Đ: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng: khoản 3 Điều 165; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Khắc Tâm A: 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng: khoản 3 Điều 165; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ C: 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

- Áp dụng: khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 59 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Miễn hình phạt cho bị cáo Đinh Văn B.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tuyên buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền cụ thể như sau:

1/ Bà Hồ Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 49.535.500 đồng.

2/ Bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 28.712.200 đồng.

3/ Ông Phan T P phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 86.307.500 đồng.

4/ Ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 219.403.600 đồng.

5/ Ông Nguyễn Ngọc S phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 1.093.114.250 đồng.

6/ Ông Ngô Tấn D phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 627.257.950 đồng.

7/ Ông Đỗ M Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 459.013.600 đồng.

8/ Bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 206.512.000 đồng.

9/ Ông Phạm Ngọc M phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 1.786.028.225 đồng.

10/ Ông Võ Khắc A phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 708.907.150 đồng.

11/ Ông Nguyễn Đ Trung phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền 195.375.250 đồng.

12/ Ông Ngô Đình T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 79.999.850 đồng

13/ Ông Vũ T K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 403.181.825 đồng.

14/ Bà Đỗ Thị Bích L phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 351.918.000 đồng.

15/ Ông Tân Ngọc T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 167.923.000 đồng.

16/ Ông Huỳnh T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 868.180.325 đồng.

17/ Ông Võ Duy T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 505.214.500 đồng.

18/ Ông Phan Tấn T phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 691.460.100 đồng.

19/ Ông Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 354.141.550 đồng.

20/ Ông Nguyễn Hữu N phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đ số tiền là 519.216.354 đồng.

[3] Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo H Văn T, Nguyễn Vũ C, Lê Khắc Tâm A, Trần M V, Nguyễn Văn D.

[4] Về án phí phúc thẩm:

- Các bị cáo Đinh Kà Đ, Nguyễn Vũ C và Lê Khắc Tâm A; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đ phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các ông, bà Hồ Thị L, Nguyễn Thị H, Phan T P, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc S, Ngô Tấn D, Đỗ M Đ, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Ngọc M, Võ Khắc A, Ngô Đình T, Vũ T K, Đỗ Thị Bích L, Tân Ngọc T, Huỳnh T, Võ Duy T, Phan Tấn T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Hữu N; mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

+ Hồ Thị L được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05463 ngày 06/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Nguyễn Thị H được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05464 ngày 06/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Vũ T K được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05462 ngày 06/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Phan Tấn T được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05461 ngày 03/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ngô Đình T được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 04992 ngày 31/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Đỗ Thị Bích L được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 04995 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

+ Đỗ M Đ được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 04994 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- + Võ Khắc A được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 04993 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Võ Duy T được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 04996 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Huỳnh T được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 04998 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Nguyễn Hữu N được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05000 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Nguyễn Văn Đ được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 04999 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Phạm Ngọc M được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05452 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Phan T P được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05451 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Tân Ngọc T được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05453 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Nguyễn Ngọc S được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05456 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Nguyễn Ngọc V được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05457 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Ngô Tấn D được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05458 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Nguyễn Thị Thu H được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05455 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
- + Ông Trương Bá V được hoàn trả số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 05459 ngày 02/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự, về biện pháp ngăn chặn, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và tài sản, về lỗi chậm thi hành án, về án phí sơ thẩm và quyền, nghĩa vụ thi hành án không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh